

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 5 – 7 - 2021  
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Huyền Trân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Tâm

Bà Trương Ánh Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 484/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị K, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 21B, đường Lý Văn L, khóm N, phường M, Tp C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh D, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 21B, đường Lý Văn L, khóm N, phường M, Tp C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty tài chính H(xin vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu 8,9,10, Tòa nhà Gilimex, số 24C, Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh P, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Huyện P, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

3. Bà Lê Thị Ngọc Y (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 303/1, khu vực N, phường S, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 266/16, Lý Văn L, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lâm Ngọc D, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 96, Lý Văn L, khóm T, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CB, xã T, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

8. Ông Ngô Văn Q ( vắng mặt).  
Địa chỉ: Ấp T, xã CH, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.
9. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).  
Địa chỉ: Ấp T, xã CH, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.
10. Ngân hàng TMCP Đ (xin vắng mặt).  
Địa chỉ: Số 03, ADD, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, biên bản hòa giải ngày 26/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bà Ngô Thị K là nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Bà K và ông Lê Thanh D chung sống từ khoảng năm 1986, đến ngày 09 tháng 7 năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và kinh tế gia đình. Ông H từng đánh đập và xúc phạm danh dự của bà. Bà và ông H đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà xác định không thể sống chung với ông H được và không còn tình cảm gì đối với ông H nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Như My S, sinh ngày 10/10/1988, Lê Như Ngọc Tr sinh ngày 21/8/1997 và Lê Như Ngọc A sinh ngày 23/12/2002 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung, bà có các khoản nợ riêng như sau:

- Nợ Ngân hàng Đ theo quyết định số 10/2016/QĐST – KDTM ngày 12/12/2016. Tài sản thế chấp là tài sản của ông Ngô Văn Q, sinh năm 1977. Địa chỉ Ấp T, xã CH, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Nợ ông Ngô Văn Q và Ngô Thị X cùng địa chỉ ấp Ấp T, xã CH, huyện V, tỉnh Bạc Liêu số tiền 129.000.000đ;

- Nợ bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ số 303/1KV5, Số 303/1, khu vực N, phường S, quận N, thành phố Cần Thơ số tiền 63.383.000đ.

- Nợ bà Lâm Ngọc D, địa chỉ: s Số 96, Lý Văn L, khóm T, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau số tiền 150.000.000đ

- Nợ bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: số Số 266/16, Lý Văn L, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau số tiền 8.000.000đ.

Khi ly hôn, đối với các khoản nợ này bà sẽ có trách nhiệm tự thanh toán, không yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán với bà. Đối với khoản nợ của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 15.000.000đ và nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau còn lại khoảng 9.000.000đ là ông H vay sau khi bà và ông H ly thân bà không biết và không đồng ý cùng ông H thanh toán hai khoản nợ này. Đối với khoản tiền ông H nợ bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử buộc ông H có trách nhiệm thanh toán bà

không có trách nhiệm gì trong khoản nợ này nên không đồng ý thanh toán cùng với ông H.

*Tại bản tự khai ngày 23/3/2021, biên bản hòa giải ngày 26/4/2021 và lời khai tại phiên tòa ông Lê Thanh D là bị đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà K chung sống với nhau vào khoảng năm 1986 và đến khoảng năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đối với trích lục kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1 thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là không đúng. Ông sẽ cung cấp chứng cứ thể hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau chậm nhất vào ngày 07/5/2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà K không quan tâm, thường xuyên đi đêm không về có nhiều tin nhắn không lành mạnh. Ông bà không ly thân. Nay bà K yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đăng ký kết hôn tại xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên ông thống nhất việc đăng ký tại phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Như My S, sinh ngày 10/10/1988, Lê Như Ngọc Tr sinh ngày 21/8/1997 và Lê Như Ngọc A sinh ngày 23/12/2002 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông và bà K có nợ tại Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định số 10/2016/QĐST – KDTM ngày 12/12/2016. Tài sản thế chấp là tài sản của ông Ngô Văn Q, sinh năm 1977. Địa chỉ chỉ Ấp T, xã CH, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ông nhận trách nhiệm cùng bà K trả nợ. Những khoản nợ còn lại ông không biết và không đồng ý trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra, còn có các khoản nợ chung:

- Nợ bà Lê Thị Ngọc Y, địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau 20.000.000đ

- Nợ bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Ấp CB, xã T, huyện CN, tỉnh Cà Mau. số tiền khoảng 13.000.000đ

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau còn lại khoảng 9.000.000đ

- Nợ Công ty tài chính TNHH H số tiền 15.000.000đ.

Số nợ này là nợ chung nên khi ly hôn ông yêu cầu bà K cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên.

Tại phiên tòa ông thay đổi lời trình bày: Đối với các khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau, nợ Công ty tài chính H số tiền 15.000.000đ đây là nợ riêng của ông, ông sẽ tự thanh toán không yêu cầu bà K cùng có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ này.

*Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 10/5/2021 và các biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Công ty tài chính TNHH H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Ngày 27/12/2015, ông Lê Thanh D đã ký hợp đồng vay số CL002996284 với Công ty. Theo hợp đồng Công ty cho ông D vay số tiền 15.000.000 đồng. phương thức thanh toán là vào ngày 25 hàng tháng, ông D thanh toán cho Công ty số tiền là 1.223.8021 đồng, liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 25/01/2016.

Tính đến thời điểm hiện nay, ông H đã chậm thanh toán cho Công ty 14 kỳ trả góp với tổng số tiền là 16.691.184 đồng. Công ty đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông D thanh toán nhưng ông D vẫn không thanh toán. Nay Công ty HD yêu cầu ông D phải hoàn trả toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 12.475.561 đồng và lãi theo hợp đồng là 2.695.149 đồng, lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.520.474 đồng. tổng số tiền là 16.691.184 đồng.

*Tại văn bản ngày 04/6/2021 Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Cà Mau, phòng giao dịch huyện P trình bày:* Vào ngày 19/10/2019, ông Lê Thanh D có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Tân với số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng là vào ngày 16/10/2024. Hiện nay ông Lê Thanh D đang thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa Thuận nên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện P tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng như đã thỏa Thuận. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

*Tại văn bản ý kiến ngày 08/6/2021 bà Nguyễn Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Từ thời điểm năm 2014 đến năm 2021 bà Ngô Thị K và ông Lê Thanh D có mua hàng cả phê của bà với tổng số là 63.383.000 đồng. Từ lúc nợ cho đến nay bà K và ông H chưa thanh toán khoản tiền nợ nào cho bà. Hiện nay ông H, bà K ly hôn bà không yêu cầu gì đối với khoản nợ này. Trường hợp sau này có tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Do hiện nay bà đang ở xa, nên bà yêu cầu tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

*Tại văn bản ý kiến ngày 08/6/2021 bà Lâm Ngọc D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Vào năm 2014, bà có cho bà Ngô Thị K và ông Lê Thanh D vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng khi vay có thể chấp cho bà căn nhà và đất tọa lạc tại số 21A, đường Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để làm tin. Khi đó bà K, ông H có giao cho bà “Tờ nhượng đất” được ký tên bởi bà K với ông Châu Văn Lợi cho bà giữ. Trong quá trình vay ông H, bà K có trả lãi cho bà số tiền vốn là 44.000.000 đồng và trả cho bà mấy tháng đầu thì không đóng lãi cho bà nữa. Hiện nay bà K, ông H có còn nợ bà số tiền 56.000.000 đồng. Nay bà K, ông H ly hôn mặc dù còn nợ bà số tiền trên nhưng bà không yêu cầu ông H, bà K thanh toán trong vụ án này. Khi nào có tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Do bận công việc và điều kiện đi lại khó khăn nên bà yêu cầu tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt bà.

*Tại bản tự khai và văn bản ý kiến ngày 25/5/2021 bà Ngô Thị X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ly hôn giữa bà Ngô Thị K và ông Lê Thanh D. Do vợ chồng ông Lê Thanh D và bà Ngô Thị K có nợ Ngân hàng Đ nhưng không có tiền để trả nên bà có cho bà K, ông H mượn số tiền 65.000.000 đồng. Nay ông H và bà K ly hôn bà và ông H, bà K sẽ tự thỏa Thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay bà không có yêu cầu gì nên bà yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt bà.

*Tại bản tự khai, văn bản ý kiến ngày 25/5/2021 bà Nguyễn Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Vào năm 2018 bà có mở dây hụi 50.000 đồng, loại hụi ngày, bà K có tham gia 04 chân hụi. Trong quá trình đóng, bà K còn nợ lại số tiền 8.000.000 đồng. Hiện dây hụi đã mãn nhưng bà K chưa trả khoản tiền này. Đối với số tiền này bà và bà K sẽ tự thỏa Thuận với nhau không yêu cầu tòa án

giải quyết. Hiện nay bà không có yêu cầu gì nên bà yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt bà.

*Tại bản tự khai, văn bản ý kiến ngày 13/5/2021 bà Nguyễn Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Trước đây bà có cho vợ chồng ông Lê Thanh D và bà Ngô Thị K vay, sau đó ông D, bà K không trả nên bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án số 56/DS-St ngày 20/4/2015. Hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật và bà đang yêu cầu Thi hành án. Nay ông D, bà K ly hôn bà yêu cầu ông D tiếp tục thi hành theo bản án. Do điều kiện đi lại khó khăn nên bà xin được vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Đối với ông Ngô Văn Q mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt và không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình cho Tòa án.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị K cho bà K được ly hôn với ông Lê Thanh D.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về yêu cầu độc lập của Công ty tài chính TNHH HD SAISON: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty tài chính Hbuộc ông Lê Thanh D phải thanh toán cho Công ty tài chính H số tiền vốn và lãi tổng cộng là 16.691.184 đồng.

Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cả hai đương sự đều đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án được xác định Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Công TNHH H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện P, Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Cà Mau, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, bà Lâm Ngọc D, bà Nguyễn Thị M, bà Ngô Thị X là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Ngọc Y, ông Ngô Văn Q vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị K và ông Lê Thanh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, ông D cho rằng ông và bà K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, không phải đăng ký ở Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ấn định thời gia để ông cung cấp chứng cứ thể hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Phú Tân nhưng ông D không cung cấp được. Tại hồ sơ bà K cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tại phiên Tòa ông D cũng thống nhất đối với giấy chứng nhận kết hôn này. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông D và bà K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông D và bà K thực tế có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và quan hệ hôn nhân của bà K và ông D là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống bà K xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông D xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên thống nhất ly hôn theo yêu cầu bà K. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay bà K và ông D xác định đã không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K cho bà được ly hôn với ông D là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà K và ông H xác định cả hai có 03 người con chung tên Lê Như My S, sinh ngày 10/10/1988, Lê Như Ngọc Tr, sinh ngày 21/8/1997 và Lê Như Ngọc A sinh ngày 23/12/2002 các con đã trưởng thành bà K và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà K và ông D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với khoản tiền bà K và ông D nợ Ngân hàng TMCP Đông Á đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2016/QĐST-KDTM ngày 12/12/2016. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản tiền 16.937.500 đồng ông D nợ bà M đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử tại Bản án số 56/2015/DS-ST ngày 20/4/2015. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các khoản tiền hiện nay bà K còn nợ lại bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Lâm Ngọc D, Ngô Văn Q, Ngô Thị X. Hiện nay các đương sự này không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản nợ vay của ông D tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh P, hiện nay Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với khoản tiền còn nợ lại bà Lê Thị Ngọc Y. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Y nhưng bà Y không tham gia tố tụng cũng không có đơn yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với yêu cầu độc lập của Công ty tài chính Hyêu cầu ông Lê Thanh D thanh toán khoản tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 16.691.184 đồng. Trong đó tiền gốc chưa thanh toán là 12.475.561 đồng và lãi theo hợp đồng là 2.695.149

đồng, lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.520.474 đồng. Tại phiên tòa ông H thừa nhận có vay, còn nợ và thống nhất thanh toán cho Công ty tài chính H số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty tài chính H buộc ông H thanh toán khoản tiền trên cho công ty là phù hợp.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà K pH nộp theo quy định; Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông H pH nộp theo quy định. Công ty tài chính H không pH nộp được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

[8] Phát biểu của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ngô Thị K.

- Về hôn nhân: Bà Ngô Thị K được ly hôn ông Lê Thanh D.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH H. Buộc ông Lê Thanh D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính H số tiền 16.691.184 đồng (Trong đó tiền gốc chưa thanh toán là 12.475.561 đồng và lãi theo hợp đồng là 2.695.149 đồng, lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.520.474 đồng).

Buộc ông Lê Thanh D tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính H khoản lãi phát sinh theo quy định mà hai bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 05/7/2021 đến khi ông H thanh toán xong nợ cho Công ty tài chính TNHH H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Ngô Thị K phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 04/3/2021 Bà K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000726 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển Th. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lê Thanh D phải nộp là 834.500 đồng (chưa nộp). Công ty tài chính H không phải nộp. Ngày 21/5/2021, Công ty tài chính H đã dự nộp tạm ứng án phí 418.000 đồng, được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án*

*dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bà Ngô Thị K, ông Lê Thanh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty tài chính TNHH H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh P, Ngân hàng TMCP Đ, bà Lê Thị Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, bà Lâm Ngọc D, bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn Q, bà Ngô Thị X vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trần Huyền Trân**



